TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:1088/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2018
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương
Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Nhung – Cán bộ hưu trí Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Lê Thị Nhanh – Cán bộ hưu trí Thành phố Hồ Chí Minh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 496/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3170/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1972
Địa chỉ: Đường N, phường H, quận T Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Ear Por U, sinh năm 1963
Địa chỉ: St # 2 Dorchester MA 02125, USA.

Đại diện ủy quyền của ông Ear Por U: Bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Đường T, Phường N, Thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/10/2017, và bản tự khai, nguyên đơn bà Lê Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Ear Por U quen biết nhau và tự nguyện kết hôn vào tháng 7/2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số 2496, Quyển số 9 ngày 29/7/2009 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn bà và ông Ear Por U sinh sống hạnh phúc với nhau khoảng một thời gian tại địa chỉ ấp Tân Phú, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến

Tre. sau đó ông Ear Por U trở về Hoa Kỳ để làm việc và vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau.

Năm 2010 ông Ear Por U có về Việt Nam để làm thủ tục bảo lãnh cho bà sang Hoa Kỳ. Sau khi hoàn tất hồ sơ bảo lãnh ông Ear Por U quay về Hoa Kỳ, bà có đi phỏng vấn để sang Hoa kỳ đoàn tụ với ông Ear Por U nhưng không đạt bà không thể sang Hoa Kỳ được. Từ tháng 5/2010 bà và ông Ear Por U không còn thường xuyên liên lạc với nhau. Mặt khác, trong khoảng thời gian sau này bà và ông Ear Por U xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, văn hóa và quan điểm sống, bà và ông Ear Por U không có thời gian để quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Ear Por U.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung : không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai của bị đơn ông Ear Por U đề ngày 22/5/2018 được Đại sứ quán Việt Nam tại Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ chứng thực chữ ký ngày 18/6/2018 có nội dung như sau: Ông và bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Đường N, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam quen biết nhau và tự nguyện kết hôn vào tháng 7/2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số 2496, Quyển số 9 ngày 29/7/2009 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn ông và bà Lê Thị Thu T sinh sống hạnh phúc với nhau khoảng một thời gian tại địa chỉ ấp Tân Phú, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Sau đó, do bận công việc nên ông trở về Hoa Kỳ để làm việc, trong khoảng thời gian ông ở Hoa Kỳ ông và bà T vẫn thường xuyên liên lạc với nhau.

Năm 2010 ông có về Việt Nam để làm thủ tục bảo lãnh cho bà T sang Hoa Kỳ, tuy nhiên do phỏng vấn không đạt kết quả nên bà T không thể sang Hoa Kỳ được. Trong khoảng thời gian sau này ông và bà T xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, văn hóa và quan điểm sống và ông cũng bận công việc nên phải thường xuyên ở lại Hoa Kỳ không thể về Việt Nam để cùng bà T chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, ông và bà T không có thời gian để quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện tại ông vẫn đang sinh sống, làm việc tại Hoa Kỳ, bà T sinh sống, làm việc tại Việt Nam. Nay ông được biết bà Lê Thị Thu T có gửi đơn xin ly hôn lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu ly hôn với ông.

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Thu T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm : Nguyên đơn bà Lê Thị Thu T, bị đơn ông Ear Por U đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn bà Lê Thị Thu Tđang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam, bị đơn ông Ear Por U đang cư trú tại Hoa kỳ, giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; điểm a khoản 2 Điều 38 ; Điều 464 ; Điều 465 ; điểm g khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122 ; Điều 123 ; Điều 124 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm :

Bà Lê Thị Thu T và ông Ear Por U đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2/ Về áp dụng pháp luật nội dung :

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy :

Bà Lê Thị Thu T và ông Ear Por U tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2009, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 2496, Quyển số 9 ngày 29/7/2009 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cấp. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của đôi bên thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Việt Nam được khoảng thời gian ngắn. Sau đó ông Ear Por U trở về Hoa Kỳ. Do thiếu sự quan tâm lẫn nhau, thiếu sự tin tưởng, quan điểm và suy nghĩ khác biệt nên tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt, dù đã cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu được ly hôn. Ý kiến của ông Ear Por U cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Xét, về tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục cuộc hôn nhân hạnh phúc. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt

được. Việc bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung : Đôi bên thống nhất không có

Về tài sản chung và nợ chung : Bà Lê Thị Thu T và ông Ear Por U đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51 ; Điều 53 ; Điều 54; khoản 1 Điều 56 ; Điều 57 ; Điều 122 ; Điều 123 ; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 ;

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1/ Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu T được ly hôn ông Ear Por U.

Giấy chứng nhận kết hôn số số 2496, Quyển số 9 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ngày 29/7/2009 không còn giá trị pháp lý kể tự ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung, tài sản chung và nợ chung : Bà Lê Thị Thu T và ông Ear Por U khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Lê Thị Thu T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0047972 ngày 20/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

4/ Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Lê Thị Thu T và bị đơn ông Ear Por U; Bà Lê Thị Thu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Ông Ear Por U được quyền kháng cáo trong hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Thiên Hương